

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09/ 7//2024

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Ngoãn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Páo

Ông Vàng A Măng

- Thư ký phiên tòa: Ông Chảo Hồ Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ tham gia phiên tòa:
Ông Lò Trí Siêu- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2024/TLST- HN&GĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc: “ Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, năm sinh 2002.

Địa chỉ: bản Ui Th, xã N S, huyện T U, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm 1999.

Địa chỉ: bản Ta P, xã N h, huyện S H, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị L, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Lò Văn D về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2021 tại UBND xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của người Thái, sau đó chị L về nhà anh D ở cùng với gia đình. Thời gian đầu chung sống, chị L và anh D sống thuận hòa rất hạnh phúc. Sau một thời gian

chung sống chị L nhận thấy anh D hay chơi bời, lêu lổng và rượu chè không chịu khó làm ăn, lười lao động và sau khi uống rượu say hay mắng, đánh đập chị L rất nhiều lần. Vì có con chung là cháu Lò Thị Thu Huyền nên chị L nhẫn nhịn nhưng chồng chị không ăn năn hối cải. Sau đó chị L bỏ về sống cùng mẹ đẻ tại bản Ui Th, xã N S, huyện T U, tỉnh Lai Châu từ cuối năm 2021 cho đến nay. Từ đó đến nay anh D không bao giờ đến hỏi thăm cháu Huyền và chị L. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng sự việc vẫn không giải quyết được, còn chính quyền địa phương thì vợ chồng chị L không thông báo vì cho rằng đây là việc riêng tư của vợ chồng nên anh chị tự giải quyết. Đến nay vợ chồng chị L đã ly thân được 03 năm nay kể từ cuối năm 2021. Kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, không L lạc với nhau và anh D đã chặn máy điện thoại của chị L. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn D, để chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: chị Trương Thị L và anh Lò Văn D có 01 con chung tên là Lò Thị Thu Huyền, sinh ngày 21/11/2018. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Huyền cho đến khi cháu Huyền trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh D có quyền thăm nom cháu Huyền mà không bị ai cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lò Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng, không có lý do. Tuy nhiên, vào ngày 16/4/2024 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ. Bị đơn là anh Lò Văn D, tự khai:

Về quan hệ hôn nhân: anh D và chị Trương Thị L có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2021 tại UBND xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ngày 07/10/2021 anh D, vi phạm pháp luật về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy bị xử phạt 15 tháng tù. Từ khi anh D đi chấp hành án về, anh D không thấy vợ con ở nhà nữa. Từ đó tình cảm của hai vợ chồng anh D và chị L không còn như trước. Qua tìm hiểu thì anh D mới biết vợ anh đã về bên ngoại, anh D đi gọi hai lần nhưng chị L không về. Đến nay chị L làm đơn lên Tòa án xin ly hôn với anh D, anh D không đồng ý, vì anh D vẫn còn tình cảm với chị L, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị về chung sống với nhau.

Về con chung: chị Trương Thị L và anh Lò Văn D có 01 con chung tên là Lò Thị Thu Huyền, sinh ngày 21/11/2018. Hiện chị L đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Huyền, anh D đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay anh D vừa chấp hành án về nên anh D chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi

con; về tài sản chung, khoản nợ chung vợ chồng: anh chị không có tài sản chung, khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Lò Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng, không có lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định tại Điều 175, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngày 27/5/2024 Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn là anh Lò Văn D, vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 14/6/2024. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 14/6/2024 nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt mà không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trương Thị L. Xử cho chị Trương Thị L được ly hôn anh Lò Văn D. Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị L và anh Lò Văn D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lò Thị Thu Huyền, sinh ngày 21/11/2018 cho chị Trương Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Huyền trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn D được quyền đi lại, thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Trương Thị L không yêu cầu anh Lò Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung; khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn là chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Trương Thị L đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu: BLTU/23; số 0000587 ngày 26/02/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của chị Trương Thị L xác định đây là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm chị Trương Thị L nộp đơn khởi kiện, anh Lò Văn D là bị đơn, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Ta P, xã N h, huyện S H, tỉnh Lai Châu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Lò Văn D và chị Trương Thị L đúng theo quy định tại Điều 175, khoản 2, khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 27/5/2024 Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn là anh Lò Văn D, vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 14/6/2024. Tuy nhiên tại phiên tòa, ngày 14/6/2024 nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt mà không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị L và anh Lò Văn D, kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/3/2021 tại UBND xã Noong Hèo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, do Ủy ban nhân dân xã Noong Hèo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị L và anh Lò Văn D là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị Trương Thị L và anh Lò Văn D hoà thuận, hạnh phúc cho đến cuối năm 2021 thì vợ chồng chị L và anh D bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa chị Trương Thị L và anh Lò Văn D không còn, anh chị không L lạc và không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Trương Thị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn D theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xét thấy anh Lò Văn D không hợp tác, không có yêu cầu phản tố, không đưa ra được các chứng cứ, biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng. Hiện nay vợ chồng chị L và anh D vẫn đang sống ly thân, không L lạc và không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều đó chứng tỏ vợ, chồng anh chị chung sống với nhau không có hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị L, cho chị Trương Thị L được ly hôn với anh Lò Văn D.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị L và anh Lò Văn D có 01 con chung tên là Lò Thị Thu Huyền, sinh ngày 21/11/2018. Hiện tại cháu Huyền đang học tập và sinh sống với chị L. Từ khi vợ chồng chị L và anh D mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đều do chị L một mình đảm nhiệm. Đối với anh D là người nghiện ma túy, do có hành vi, vi phạm pháp luật nên bị Tòa án xử phạt 15 tháng tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên anh D chưa có điều kiện để chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo việc phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần cũng như quyền lợi chính đáng cho cháu Huyền, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của cháu và mong muốn của chị Trương Thị L là người được chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho cháu Lò Thị Thu Huyền cho đến khi cháu Huyền trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Lò Thị Thu H , sinh ngày 21/11/2018 cho chị Trương Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Huyền trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn D được quyền đi lại, thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Trương Thị L không yêu cầu anh Lò Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[4] Về tài sản chung, khoản nợ chung: Đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn là chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự

sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Trương Thị L đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu: BLTU/23; số 0000587 ngày 26/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

[6]. Tại phiên toà, Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu – Kiểm sát viên đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trương Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị L và anh Lò Văn D, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10; ngày đăng ký kết hôn 23/3/2021 do Ủy ban nhân dân xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu cấp. Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị L và anh Lò Văn D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lò Thị Thu H, sinh ngày 21/11/2018 cho chị Trương Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 01 con chung là Lò Thị Thu Huyền cho đến khi cháu Huyền trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn D được quyền đi lại, thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Trương Thị L không yêu cầu anh Lò Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về Án phí: Buộc nguyên đơn là chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Trương Thị L đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai

ký hiệu: BLTU/23; số 0000587 ngày 26/02/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu (chị L đã nộp đủ).

3. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trương Thị L; bị đơn anh Lò Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã Noong Hèo, huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Ngoãn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Vàng A Măng Tẩn A Sẻnh.

